

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày: 17-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hòe

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Bạch Đình Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2023/TLST-DS, ngày 21/12/2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXX-ST ngày 07/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-DS ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bảo N (*Có mặt*), sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn D (*Vắng mặt*), sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn (ông Nguyễn Bảo N) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Do có quen biết nhau nên vào năm 2019, ông Lê Văn D đã nhiều lần mua thiếu vật liệu xây dựng của ông Nguyễn Bảo N với tổng số tiền là 89.016.000 đồng và ông D đã trả được cho ông N số tiền 75.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 14.016.000 đồng. Hai bên cũng đã tiến hành đối chiếu công nợ, ông D cũng đã thừa nhận còn nợ ông N số tiền 14.016.000 đồng và cũng đã ký nhận, hẹn đến ngày 30/11/2019 âm lịch (ngày 25/12/2019 dương lịch) sẽ trả số tiền còn lại. Đến hẹn ông N đã gặp và yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền còn nợ là 14.016.000 đồng nhưng ông D không trả, cứ hứa hẹn lần này đến lần khác. Do vậy, ông N khởi kiện yêu

cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải trả số tiền còn nợ là 14.000.000 đồng và khoản tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 26/12/2019) đến khi trả nợ xong với mức lãi suất là 10%/năm.

Theo lời trình bày của bị đơn (ông Lê Văn D) trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bảo N đối với ông Lê Văn D về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, buộc ông Lê Văn D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bảo N tổng số tiền còn nợ là 20.300.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 14.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 6.300.000 đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự: Ông Lê Văn D phải chịu số tiền 1.015.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Bảo N khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn D phải trả số tiền còn nợ và khoản tiền lãi phát sinh từ việc mua bán tài sản (vật liệu xây dựng) nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn đăng ký thường trú và sinh sống tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn (ông Lê Văn D):

Ông Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã tổng đạt hợp lệ để có mặt tại phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt lần thứ hai

tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ (14.000.000 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh (6.300.000 đồng) từ việc mua bán tài sản (vật liệu xây dựng):

2.1. Về số tiền gốc còn nợ là 14.000.000 đồng: Từ những lời khai và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh hợp đồng mua bán tài sản là vật liệu xây dựng và các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, ông D cũng đã ký nhận vào giấy đối chiếu công nợ và hẹn đến ngày 25/12/2019 sẽ trả số tiền này nhưng đến ngày 25/12/2019 vẫn không trả số tiền này. Như vậy, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền đối với hợp đồng mua bán tài sản.

Điều 430 của Bộ luật dân sự quy định:

“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán tài sản chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”.

Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.”

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa án để làm việc nhưng ông D cố ý trốn tránh, không hợp tác làm việc nên không có lời khai cũng như không cung cấp được tài liệu chứng cứ để bảo vệ cho quyền lợi của mình.

Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

“... 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 14.000.000 đồng.

2.2. Về số tiền lãi phát sinh là 6.300.000 đồng: Theo bảng đối chiếu công nợ thì ông D cam kết đến ngày 25/12/2019 sẽ thanh toán số tiền còn nợ nhưng không thanh toán nên kể từ ngày 26/12/2019 ông D còn phải chịu lãi suất chậm trả nhưng ông N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải chịu khoản tiền lãi với mức 10%/năm với thời hạn 04 năm 06 tháng với tổng số tiền lãi là 6.300.000 đồng.

Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định:

“...3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

Hội đồng xét xử thấy, đối với yêu cầu của nguyên đơn về trả số tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 6.300.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ (số tiền 20.300.000 đồng) nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.015.000 đồng (20.300.000 đồng x 5%). Trả lại cho nguyên đơn số tiền 350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001953 ngày 18/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 430, Điều 434, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Nguyễn Bảo N) đối với bị đơn (ông Lê Văn D) về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

1. Buộc ông Lê Văn D phải trả cho ông Nguyễn Bảo N tổng số tiền là 20.300.000 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng*), trong đó: Số tiền gốc là 14.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 6.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn D phải nộp số tiền 1.015.000 đồng (*Một triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền 350.000 đồng (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001953 ngày 18/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng